***ĐẶNG THỊ HÀ \****

***Tóm tắt:*** *Mô hình tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam được chia thành bốn phân hệ cơ quan, trong đó hội đồng nhân dân (HĐND) là nhánh cơ quan đại diện hay còn gọi là hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước. Ở cấp địa phương, HĐND các cấp có chức năng quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và giám sát việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan nhà nước ở địa phương. Đây là cơ quan duy nhất ở địa phương do nhân dân trực tiếp bầu nên, nhận quyền lực trực tiếp từ nhân dân và đại diện cho ý chí của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương, tuy nhiên cơ chế giám sát và kiềm chế từ các cơ quan nhà nước khác (như hành pháp và tư pháp) đối với HĐND các cấp chưa thật sự rõ ràng và hiệu quả. Vì thế, để tránh tình trạng các cơ quan quyền lực ở địa phương lạm dụng hoặc không làm tròn chức năng đại diện của mình, việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế giám sát của xã hội đối với HĐND các cấp là vấn đề hết sức quan trọng và cần thiết trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.*

*Từ khoá: Giám sát; hội đồng nhân dân; Mặt trận Tổ quốc*

*Nhận bài: 20/7/2022 Hoàn thành biên tập: 29/9/2022 Duyệt đăng: 29/9/2022*

IMPROVING LEGAL PROVISIONS ON SOCIAL SUPERVISION OF PEOPLE'S COUNCIL AT ALL LEVELS IN VIETNAM

***Abstract:*** *The organizational model of the Vietnamese state is divided into four systems of agencies, in which the People's Council is the branch of the representative agency which is also known as the system of state power agencies. At the local level, People's Councils at all levels have the function to decide on important local issues that are assigned in legal documents of superior state agencies and supervise the observance of the law of other local state agencies. This is the only local authority directly elected by the people, receiving power directly from the people and representing the will of the people in deciding important local issues. However, the supervision and restraint mechanism from other state agencies (such as the executive and judiciary) for People's Councils at all levels is not really clear and effective. Therefore, in order to avoid the abusement or failure to fulfill the representative function of local authorities, it is extremely important and necessary to build and improve the social supervision mechanism for People's Councils at all levels.*

*Keywords: Supervision; People's Council; Fatherland Front*

*Received: July 20th, 2022; Editing completed: Sept 29th, 2022; Accepted for publication: Sept 29th, 2022*

**1. Quan điểm về giám sát của xã hội**

Từ điển Hán Việt giải thích: *“Giám sát là xem xét và đàn hạch”*[[1]](#footnote-1). Trong cuốn Đại từ điển tiếng Việt do Nguyễn Như Ý chủ biên định nghĩa: *“Giám sát là theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ”*[[2]](#footnote-2). Theo quan điểm này, giám sát là hoạt động theo dõi, kiểm tra và đối tượng chịu sự kiểm tra phải chịu trách nhiệm trước chủ thể giám sát.

**\* Thạc sĩ, Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

**E-mail: hadt@hul.edu.vn**

Trong Giáo trình Hành chính nhà nước và công nghệ hành chính của Học viện Hành chính quốc gia đưa ra quan niệm: *“Giám sát dùng để chỉ hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước, toà án, các tổ chức xã hội và công dân nhằm bảo đảm sự tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật trong quản lí xã hội”*[[3]](#footnote-3).

Như vậy, quan điểm về giám sát có nội hàm rất rộng bao gồm giám sát trong bộ máy nhà nước và giám sát ngoài bộ máy nhà nước.

Theo quan điểm của tác giả Đào Trí Úc, sự giám sát đó phải *“có khả năng giám sát toàn bộ hệ thống quyền lực, nằm ngoài hệ thống quyền lực”* và *“phải có tính độc lập, phải đảm bảo yêu cầu khách quan”*[[4]](#footnote-4).

Theo tác giả Đặng Đình phú và Trần Duy Hưng thì giám sát là theo dõi, quan sát, xem xét hoạt động của các tổ chức có thẩm quyền mang tính chủ động, thường xuyên liên tục và sẵn sàng tác động bằng các biện pháp tích cực để bắt buộc và hướng hoạt động của các tổ chức và cá nhân chịu sự giám sát thực hiện đúng những điều đã quy định[[5]](#footnote-5).

Như vậy, có thể đưa ra quan niệm giám sát như sau: “Giám sát là sự theo dõi, quan sát hoạt động mang tính chủ động thường xuyên, liên tục và sẵn sàng tác động bằng các biện pháp tích cực của chủ thể giám sát đối với hệ thống các cơ quan dân cử để buộc và hướng các hoạt động của các cơ quan dân cử thực hiện đúng những điều đã quy định”.

Ở Việt Nam hiện nay, với sự phát triển đa dạng và phong phú của các tổ chức xã hội, ngoài Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên là các tổ chức đoàn thể tham gia hoạt động chính trị, là một thiết chế trong hệ thống chính trị thì các tổ chức xã hội khác được thành lập trên cơ sở tự nguyện của công dân có chung tôn chỉ, mục đích, tự chủ, tự quản; hoạt động thường xuyên liên tục không vì mục đích lợi nhuận như Hiệp hội Trọng tài thương mại thực hiện quyền giám sát của mình đối với hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và hệ thống các cơ quan dân cử nói riêng. Đối với nền dân chủ đại diện, hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử được thực hiện qua 2 phương thức: giám sát trong hệ thống bộ máy nhà nước (giám sát mang tính quyền lực nhà nước) và giám sát xã hội. Giám sát trong hệ thống bộ máy nhà nước là hoạt động giám sát của đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp đối với các cơ quan tư pháp và hành pháp; giám sát của chính các đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp với nhau. Giám sát xã hội là giám sát bên ngoài hệ thống bộ máy nhà nước mang tính quyền lực nhân dân. Trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với bộ máy nhà nước là vấn đề hết sức cần thiết, đặc biệt trong xu hướng dân chủ hoá đời sống xã hội và nhận thức chính trị của nhân dân ngày càng cao như hiện nay. Giám sát xã hội là giám sát có tính độc lập, công khai, không gắn với chức năng, kế hoạch, sự phối hợp… trong hệ thống chính trị[[6]](#footnote-6).

Như vậy, giám sát của xã hội đối với HĐND các cấp là quá trình các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng và công dân theo dõi, xem xét, đánh giá, tham vấn, kiến nghị, đề nghị HĐND các cấp thực thi đúng những quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền lực nhân dân được vận hành một cách khoa học, hiệu quả. Giám sát xã hội không mang tính quyền lực nhà nước.

**2. Thực trạng khung pháp lí về giám sát xã hội đối với hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp**

Hoạt động giám sát của xã hội được ghi nhận trong nhiều văn kiện của Đại hội Đảng qua các nhiệm kì. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng ghi nhận: *“Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội”*[[7]](#footnote-7)*.* Đến Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng năm 2016, hoạt động giám sát xã hội được nhấn mạnh theo hướng *“tiếp tục hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát huy vai trò của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn của đất nước; khắc phục những hạn chế, bảo đảm tác dụng, hiệu quả thực chất hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội”*[[8]](#footnote-8). Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII năm 2021, Bộ Chính trị yêu cầu: *“Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cần làm tốt vai trò phối hợp giữa các tổ chức thành viên và các hội quần chúng thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội theo chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước”*[[9]](#footnote-9)*.* Thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành nhiều văn bản pháp luật làm cơ sở để nhân dân phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội như: Hiến pháp năm 2013, Luật Mặt trận Tổ quốc năm 2016, Luật Công đoàn năm 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật Trưng cầu ý dân năm 2015 và hệ thống các văn bản dưới luật nhằm cụ thể hoá các quy định của luật về giám sát của xã hội đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung và HĐND các cấp nói riêng.

*2.1. Thực trạng khung pháp lí về giám sát của công dân đối với hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp*

Nói đến giám sát của xã hội đối với HĐND các cấp đầu tiên phải kể đến giám sát của mọi cá nhân công dân đối với hoạt động của các cơ quan dân cử địa phương. Nhằm tối ưu hoá quyền giám sát của công dân, Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Công dân có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lí nhà nước và xã hội; công khai minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân”* (Điều 28). Để tạo tiền đề cho hoạt động giám sát của công dân được thực hiện một cách hiệu quả, Điều 25 Hiến pháp năm 2013 nhấn mạnh: *“Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin”.* Quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận và tiếp cận thông tin là cơ sở, nền tảng để thực hiện các quyền giám sát của công dân như quyền tham gia xây dựng chính sách, pháp luật; quyền bầu cử; quyền khiếu nại, tố cáo; trưng cầu ý kiến; quyền chất vấn đại biểu HĐND tại các cuộc tiếp xúc cử tri.

Về giám sát hoạt động ban hành chính sách, pháp luật của HĐND các cấp, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: *“Cá nhân công dân có quyền được tạo điều kiện đóng góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”* (Điều 6)*.* Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đã mở rộng thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND các cấp, theo đó HĐND các cấp có thẩm quyền ban hành nghị quyết để quy định chi tiết vấn đề được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của HĐND (Điều 111). Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết và các cơ quan, tổ chức có liên quan; nêu những vấn đề cần xin ý kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến; đăng tải toàn văn hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến. Ngoài đăng tải để lấy ý kiến theo quy định tại khoản này, việc lấy ý kiến có thể bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến; đối với dự thảo nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo phải đăng toàn văn dự thảo nghị quyết trên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến.

Như vậy, đối với hoạt động xây dựng chính sách pháp luật, công dân tham gia giám sát bằng hình thức đóng góp ý kiến đối với đề nghị hoặc dự thảo nghị quyết của HĐND các cấp. Từ đó, đưa ra những đánh giá, phản biện đối với đề nghị hoặc dự thảo nghị quyết, qua đó có thể đo lường được chất lượng hoạt động của HĐND nhân dân các cấp.

Mặc dù pháp luật đã có các quy định cho phép công dân tham gia giám sát hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND các cấp ngay từ khâu đầu tiên của quy trình ban hành nghị quyết, tuy nhiên hình thức giám sát này được xem là kém hiệu quả. Một mặt, đại đa số người dân chưa xem việc đóng góp ý kiến cho dự thảo pháp luật là vấn đề quan trọng, mặt khác các đề nghị hay dự thảo quy phạm pháp luật thường quá dài, công dân khó có thể chủ động xem xét toàn bộ và đưa ra ý kiến cho các nội dung trong dự thảo. Công dân thường chỉ xem xét đến tính khả thi của văn bản pháp luật khi chúng đã được thi hành và người dân gặp những vướng mắc nhất định trong quá trình áp dụng[[10]](#footnote-10), tuy nhiên theo quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, văn bản quy phạm pháp luật không phải là đối tượng có thể khởi kiện ra tòa án (Điều 30).

Về giám sát hoạt động của đại biểu HĐND các cấp. Quyền giám sát hoạt động của đại biểu HĐND các cấp được quy định rải rác trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, trong đó công dân thực hiện quyền giám sát thông qua quyền bầu cử, quyền tố cáo, quyền chất vấn đại biểu HĐND trong các cuộc tiếp xúc cử tri. **Trước tiên phải xác định rằng, giám sát các đại biểu HĐND thông qua hình thức bầu cử được thực hiện bởi chủ thể là công dân hay còn gọi là cử tri bằng lá phiếu của mình. Thông qua hoạt động bầu cử, cử tri vừa lựa chọn, vừa kiểm tra giám sát hoạt động của các cơ quan dân cử. Quy trình bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp được quy định chặt chẽ trong Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp năm 2015. Tuy nhiên, giám sát thông qua hoạt động bầu cử đang gặp phải một số tồn tại như: 1) Các tiêu chuẩn của đại biểu HĐND còn trừu tượng, sẽ rất khó để lựa chọn một đại biểu dựa trên các tiêu chuẩn không thể đo lường được**[[11]](#footnote-11)**; 2) Chưa có quy định yêu cầu đại biểu HĐND tái cử tại nơi đã ứng cử lần đầu. Một đại biểu có 05 năm để thực hiện chức năng đại diện của mình, thái độ công tác, chất lượng làm việc của đại biểu đều là các thước đo để cử tri đánh giá đại biểu. Tuy nhiên, việc chưa có quy định yêu cầu các đại biểu phải tái cử tại nơi ứng cử lần đầu dễ dẫn đến trường hợp có những đại biểu trong suốt nhiệm kì không có bất kì hoạt động nổi bật nào nhưng nhiệm kì sau lại tham gia tái cử ở nơi khác làm cho việc giám sát của cử tri đối với đại biểu đó không phát huy được hiệu quả.**

Ngoài hoạt động bầu cử, công dân có thể giám sát đại biểu HĐND qua hoạt động tố cáo. Về mặt pháp lí, quyền tố cáo của công dân được quy định tại Điều 30 Hiến pháp 2013: *“Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân”*. Việc tố cáo được thực hiện trọng phạm vi, trình tự, thủ tục, nội dung theo Luật Tố cáo năm 2018 và Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 04/10/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và một số biện pháp thi hành Luật Tố cáo. Theo đó, công dân khi thực hiện quyền tố cáo cần xác định rõ các quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 9 Luật Tố cáo. Công dân được hưởng các quyền như được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo; được khen thưởng, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, người tố cáo cũng phải thực hiện các nghĩa vụ theo luật định, đặc biệt là nghĩa vụtrình bày trung thực về nội dung tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo; hợp tác với người giải quyết tố cáo khi có yêu cầu; bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật của mình gây ra.

Bên cạnh các quy định về quyền tố cáo, giám sát của công dân đối với hoạt động của các đại biểu cũng bị hạn chế bởi chính các quy định của pháp luật. Hoạt động tố cáo cần được thực hiện khi công dân có đủ thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo. Tuy nhiên, Điều 6 Luật Tiếp cận thông tin nêu rõ: *“Thông tin gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khoẻ của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ thì không được tiếp cận”*. Với quy định này, có thể thấy hầu hết các thông tin liên quan đến hoạt động của đại biểu như lịch trình làm việc, lí lịch cá nhân, các văn bản ban hành không phục vụ cho công việc nội bộ... đều có thể là thông tin không được tiếp cận bởi hiện chưa có quy định giải thích hoặc xác định cụ thể về các tiêu chí, điều kiện được coi là “thông tin gây nguy hại hoặc ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khoẻ của cộng đồng; tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác” hoặc thông tin nào là cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khoẻ của cộng đồng. Điều này đặt ra thực tế, công dân đã có quyền tố cáo nhưng lại không thể thực hiện được quyền của mình.

2.2. *Thực trạng khung pháp lí về giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đối với hội đồng nhân dân các cấp*

Trong các thiết chế xã hội thực hiện chức năng giám sát đối với việc thực thi quyền lực nhà nước, Mặt trận Tổ quốc là thiết chế đóng vai trò quan trọng bởi Mặt trận Tổ quốc là nơi tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, có chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, tham gia xây dựng đất nước. Hiến pháp năm 2013 quy định: *“... Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội”* (khoản 1 Điều 9). Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 đã dành riêng 2 chương quy định cụ thể nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Để thực hiện các quy định trong Hiến pháp năm 2013 và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTƯMTTQVN quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 4 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 nêu rõ: *“Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu HĐND các cấp; tham gia giám sát việc bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu HĐND các cấp”.*

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: *“Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”* (khoản 2 Điều 1).

Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 quy định: *“Chính quyền địa phương tạo điều kiện để Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền địa phương”* (Điều 15).

Trên cơ sở quy định trong các văn bản pháp luật có thể xác định, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đối với hoạt động của HĐND các cấp được thực hiện thông qua các hoạt động sau: 1) tham gia xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND các cấp bao gồm đóng góp ý kiến cho đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo nghị quyết, trình đề nghị xây dựng nghị quyết lên thường trực HĐND xem xét quyết định. Trong quá trình hoạt động, các tổ chức thành viên có thể gửi văn bản đưa ý kiến tham vấn đến Mặt trận Tổ quốc trong việc nghiên cứu, xem xét các văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc chủ trì các hội nghị về phản biện xã hội đối với chính sách của HĐND ban hành; 2) giám sát và phản biện hoạt động khác của HĐND các cấp.

Mặc dù pháp luật đã xây dựng hành lang pháp lí cơ bản nhằm tăng cường hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên. Tuy nhiên, hoạt động giám sát của các tổ chức xã hội này đang bị hạn chế nhất định bởi các quy định của pháp luật.

*Thứ nhất*, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân năm 2015 quy định người ứng cử đại biểu HĐND phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu HĐND được quy định trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Theo Điều 7 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2019) đã đưa ra các tiêu chuẩn của đại biểu HĐND như sau: *“Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam; có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác; có trình độ văn hoá, chuyên môn, đủ năng lực, sức khoẻ, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu; có điều kiện tham gia các hoạt động của hội đồng nhân dân; liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm”.*

Như vậy, công dân đang làm việc tại các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp. Nghĩa là một khi trúng cử, cá nhân đó vừa mang nhiệm vụ là chủ thể giám sát vừa là đối tượng bị giám sát. Bên cạnh đó, hiện nay phần lớn kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội là từ ngân sách nhà nước. Điều này có lẽ sẽ cản trở các đại biểu đến từ các tổ chức xã hội đặt câu hỏi chất vấn và kiến nghị đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước.

*Thứ hai,* giám sát của xã hội là giám sát không chế tài. Mặc dù luật đã có quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, nhưng chưa rõ về cơ chế thực hiện, thời hạn, giá trị pháp lí đối với việc thực hiện, xem xét, giải quyết những kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hay các chủ thể khác. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các chủ thể khác thời gian qua chưa có kết quả mong đợi. Đơn cử như hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo của công dân. Theo đó, khi công dân gửi đơn thư khiếu nại, tố cáo đến Mặt trận Tổ quốc, Mặt trận chỉ có quyền xem xét, đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết mà không có thẩm quyền đánh giá nội dung khiếu nại, tố cáo đúng hay sai để kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền. Vì thế, việc làm rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với các vấn đề bị khiếu nại, tố cáo cũng không được thực hiện triệt để.

*Thứ ba,* bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động giám sát của xã hội đối với việc ban hành chính sách pháp luật của các cơ quan dân cử bộc lộ nhiều hạn chế. Việc tổ chức để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và nhân dân tham gia đóng góp ý kiến có nơi, có lúc còn mang tính hình thức và có giá trị tuyên truyền nhiều hơn là cần sự tham khảo ý kiến thực sự từ phía người dân[[12]](#footnote-12).

*2.3. Giám sát thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội*

Dư luận xã hội và truyền thông đại chúng là hình thức giám sát xã hội có sức mạnh để phát hiện các vi phạm của đối tượng bị giám sát, đặc biệt là trong thời đại hiện nay, thời đại công nghệ số. Xã hội có thể thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát của mình thông qua các cơ quan báo chí, như C. Mác đã từng nhận xét: *“Trong hi vọng và lo lắng, có điều gì báo chí nghe được ở cuộc sống, báo chí sẽ lớn tiếng loan tin cho mọi người đều biết, báo chí tuyên bố sự phán xét của mình đối với những tin tức đó một cách gay gắt, hăng say, phiến diện như những tình cảm và tư tưởng bị xúc động thầm bảo nó vào lúc đó”*[[13]](#footnote-13). Nhận thức được vai trò của báo chí trong việc giám sát xã hội, tại Đại hội lần thứ XI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chính thức ghi nhận, yêu cầu báo chí cách mạng Việt Nam đảm nhận vai trò, nhiệm vụ phản biện xã hội. Nghị quyết Đại hội nêu rõ: *“Chú trọng nâng cao tính tư tưởng, phát huy mạnh mẽ chức năng thông tin, giáo dục, tổ chức và phản biện xã hội của các phương tiện thông tin đại chúng vì lợi ích của nhân dân và đất nước...”*. Trước đó, trong Nghị quyết Trung ương 6 (lần hai) khoá VIII (tháng 2/1999), Đảng đã khẳng định báo chí và truyền thông đại chúng là một trong bốn hệ thống giám sát xã hội. Đây là bước phát triển quan trọng về lí luận, nhận thức của Đảng về vai trò xã hội của báo chí và truyền thông đại chúng. Tại Nghị quyết số 113/2015/QH13 của Quốc hội khoá XIII về hoạt động giám sát chuyên đề, hoạt động chất vấn đã nhấn mạnh trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông: *“Tăng cường quản lí nhà nước về thông tin, tạo chuyển biến rõ nét trong việc định hướng tuyên truyền, quản lí nội dung thông tin, bảo đảm an toàn thông tin, an toàn mạng”.*

Luật Báo chí năm 2016; Nghị định số 08/2017/NĐ-CP ngày 08/02/2017 quy định về lưu chiểu điện tử đối với loại hình báo nói, báo hình và báo điện tử độc lập với cơ quan báo chí; Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước và một số thông tư hướng dẫn việc cấp phép, cấp thẻ nhà báo… và các văn bản hướng dẫn cũng tạo cơ sở, tiền đề để báo chí thực hiện chức năng giám sát của mình. Theo đó, nhà báo có quyền được đến các cơ quan, tổ chức để hoạt động nghiệp vụ báo chí. Khi đến làm việc, nhà báo chí cần xuất trình thẻ nhà báo. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp cho nhà báo những tư liệu, tài liệu không thuộc phạm vi bị mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật (Điều 5 Luật Báo chí).

Ngoài con đường thông qua báo chí, hiện nay mạng xã hội đang thực hiện việc giám sát xã hội khá hiệu quả. Với sự bùng nổ của cách mạng 4.0 và sự phát triển rầm rộ của các trang mạng xã hội, tốc độ lan truyền thông tin một cách nhanh chóng vượt bậc, tất cả hoạt động của bộ máy nhà nước, của các đại biểu dân cử hay các cá nhân đang thi hành công vụ đều có thể bị giám sát bởi toàn xã hội.

Dư luận xã hội trên mạng xã hội rất đa dạng nhưng nhìn chung việc giám sát thông qua mạng xã hội có thể được chia thành hai loại chính là giám sát việc thực hiện chính sách và giám sát hành vi. Giám sát việc thực hiện chính sách là sự thể hiện ý kiến, quan điểm trái chiều về các chính sách xã hội đang tác động đến cuộc sống. Các chính sách xã hội được đưa ra khó có thể hoàn thiện và hợp lí ngay được. Do vậy phản biện chính sách xã hội có giá trị giúp cho các nhà quản lí, những người thực hiện chính sách thấy được những điều hợp lí và chưa hợp lí về các chính sách đã đưa ra hoặc đang chuẩn bị đưa ra, từ đó điều chỉnh sao cho phù hợp với sự phát triển của xã hội. Giám sát hành vi là ý kiến phê phán các hành vi sai trái liên quan đến các hoạt động xã hội. Đó có thể là một hành vi cá nhân hoặc của một nhóm nhưng tác động cụ thể đến đời sống xã hội. Nếu trước đây, các phản biện xã hội phải thể hiện trực tiếp hoặc qua các cuộc họp lấy ý kiến với số lượng thành viên tham gia không nhiều thì hiện nay, phản biện qua mạng xã hội sẽ thuận lợi hơn nhiều do vượt qua được khoảng cách không gian, thời gian và lan truyền với tốc độ nhanh. Các mạng xã hội, góc độ nào đó trở thành một không gian quan trọng trong việc nhận thức, xem xét và kiểm soát các hành vi và chính sách xã hội, làm thay đổi nó theo hướng tích cực hơn. Trong những năm qua, với sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng, các chính sách, các kì họp Quốc hội hay hoạt động của HĐND các cấp, các phát biểu của đại biểu đến gần hơn với từng người dân, có những vấn đề Quốc hội đang họp bàn hoặc lấy ý kiến thì trên mạng xã hội, nhân dân cũng tham gia thảo luận và phản biện tích cực, từ đó nhiều chính sách quan trọng đã được các cơ quan dân cử điều chỉnh để phù hợp với nguyện vọng nhân dân[[14]](#footnote-14). Bên cạnh đó, truyền thông hay dư luận xã hội cũng có mặt trái, dễ bị lạm dụng gây ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức nên cần điều chỉnh bằngcác quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2018, Quốc hội đã ban hành Luật An ninh mạng. Khoản 2 Điều 16 Luật An ninh mạng quy định: *“Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng bao gồm: kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân; kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về an ninh, trật tự”* và *“tổ chức, cá nhân soạn thảo, đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này phải gỡ bỏ thông tin khi có yêu cầu của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật”*. Như vậy, chỉ cần tổ chức, cá nhân soạn thảo, đăng tải, phát tán những thông tin tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 16 Luật An ninh mạng đều buộc phải gỡ bỏ và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Quy định này đặt ra vấn đề đâu là giới hạn của tự do ngôn luận hợp pháp và đâu là vi phạm tại khoản 2 Điều 16? Tương tự như vậy, tại Điều 331[[15]](#footnote-15) Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đặt ra một câu hỏi pháp lí quan trọng là các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân bị xâm phạm ở mức độ nào thì người vi phạm sẽ bị xử lí hình sự, mức độ nào thì bị xử lí hành chính hoặc khởi kiện dân sự. Hiện nay, không có văn bản hướng dẫn nào liên quan đến việc định lượng mức độ xâm phạm phải bị khởi tố hình sự. Điều này rất quan trọng bởi nếu không sẽ dẫn đến tình trạng lạm dụng Điều 331 để hạn chế các quyền tự do ngôn luận, quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân vốn được Hiến pháp ghi nhận và bảo vệ.

**3. Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật về giám sát xã hội đối với hội đồng nhân dân các cấp ở Việt Nam hiện nay**

*3.1. Hoàn thiện tổng thể các quy định về hoạt động giám sát của xã hội*

Xét về tổng thể, Việt Nam đã có khung pháp lí tương đối đầy đủ để điều chỉnh hoạt động giám sát của xã hội đối với các cơ quan nhà nước nói chung và HĐND các cấp nói riêng. Khung pháp lí hiện hành đã thừa nhận quyền giám sát của nhân dân nhưng vẫn còn khá sơ sài. Vì vậy, để tăng cường hoạt động giám sát, Việt Nam cần triển khai tích cực Luật Trưng cầu ý dân và ban hành Luật về Hội.

Cần có cách nhìn đồng bộ giữa quyền giám sát của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội khác so với quyền giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên. Dưới góc độ pháp lí, vai trò giám sát của Mặt trận Tổ Quốc vẫn là quan trọng nhất. Tuy nhiên, cần tăng cường vai trò giám sát của các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp. Bên cạnh đó, cần xây dựng luật giám sát của xã hội trên cơ sở xây dựng tổng thể các yếu tố về hình thức, các thiết chế, mối liên hệ, phương thức, điều kiện giám sát mà thông qua đó các chủ thể có thể phát huy một cách tối ưu quyền được giám sát của mình.

*3.2. Hoàn thiện các quy định về giám sát của công dân đối với hội đồng nhân dân các cấp*

Quyền làm chủ của nhân dân chỉ thực sự được phát huy khi mỗi cá nhân trong quần chúng nhận thức rõ được quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia các quan hệ xã hội, để thực hiện được điều đó, cần có cơ chế tạo điều kiện cho quần chúng nhân dân tham gia vào công tác xây dựng pháp luật một cách tích cực. Đối với việc ban hành nghị quyết của HĐND các cấp, cần bổ sung trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2020 các nội dung sau: Mặt trận Tổ quốc có thể kết hợp với chính quyền địa phương cấp xã tổ chức lấy ý kiến quần chúng nhân dân với những đề nghị hay dự thảo nghị quyết quan trọng.

*3.3. Hoàn thiện các quy định về giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đối với hội đồng nhân dân các cấp*

Để hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên được thực hiện hiệu quả cần bổ sung quy định công dân đang làm việc tại các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội không có quyền ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các tại Điều 37 [Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân năm 2015](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Bau-cu-dai-bieu-Quoc-hoi-va-dai-bieu-Hoi-dong-nhan-dan-2015-282376.aspx). Bổ sung cơ chế pháp lí nhằm đảm bảo việc thực hiện hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc. Cụ thể, cân nhắc bổ sung quy định trong Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo hướng Mặt trận có quyền và trách nhiệm cùng đại biểu HĐND và cơ quan nhà nước xác minh làm rõ vụ việc đang bị khiếu nại, tố cáo trước khi đưa ra quyết định giải quyết vụ việc. Cần bổ sung quy định cho phép Mặt trận Tổ quốc tham gia thẩm định các dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật, đối với các nghị quyết gắn liền về quyền và lợi ích của các tổ chức thành viên, hội đồng thẩm định cần có sự tham gia của đại diện tổ chức thành viên như là một điều kiện bắt buộc.

*3.4. Hoàn thiện các quy định về giám sát thông qua dư luận và truyền thông đại chúng*

Hoạt động giám sát thông qua dư luận và truyền thông đại chúng chỉ được phát huy hiệu quả khi các quy định về tiếp cận thông tin và các quy định về quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí được sửa đổi phù hợp với Hiến pháp.

Quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do ngôn luận và quyền tự do báo chí là một trong các quyền cơ bản làm nền tảng cho hoạt động giám sát của xã hội được thực thi một cách hiệu quả trong thực tiễn. Để các quyền này được phát huy, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 cần làm rõ điều kiện được coi là *“thông tin gây nguy hại hoặc ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khoẻ của cộng đồng; tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác”* hoặc *“thông tin nào là cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khoẻ của cộng đồng”*. Đây cũng là cơ sở để các cơ quan nhà nước thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin cũng như các cá nhân, tổ chức thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình. Tương tự như vậy, các quy định tại Luật An ninh mạng năm 2018 và Điều 331 Bộ luật Hình sự cần làm rõ nội hàm *“xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”* ở quy chuẩn có thể đo lường được hay nói cách khác cần xác định mức độ xâm phạm nào thì người vi phạm sẽ bị xử lí hình sự, mức độ nào thì bị xử lí hành chính hoặc khởi kiện dân sự. Điều này đảm bảo cho các chủ thể xã hội có thể tham gia giám sát một cách chặt chẽ, công bằng và khách quan, đảm bảo thực hiện quyền tự do ngôn luận của công dân theo Hiến pháp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Mạnh Bình (2012), *Hoàn thiện cơ chế pháp lí giám sát xã hội đối với việc thực thi quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

C. Mác - Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Đào Trí Úc (2006), Báo cáo tổng hợp đề tài: *Xây dựng cơ chế pháp lí bảo đảm sự kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng, Nhà nước và các thiết chế tổ chức trong hệ thống chính tri*, Chương trình nhiên cứu khoa học cấp Nhà nước.

Đào Trí Úc (2010), *Cơ chế giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng và Nhà nước - Một số vấn đề lí luận và thực tiễn,* Nxb. Chính trị Quốc gia.

Đặng Đình Phú, Trần Duy Hưng (đồng chủ biên) (2008), *Công tác giám sát trong Đảng giai đoạn hiện nay,* Nxb. Lí luận chính trị, Hà Nội.

Học viện Hành chính quốc gia (2007), *Hành chính nhà nước và công nghệ hành chính,* Nxb. Khoa học và Kĩ thuật, Hà Nội.

1. Đào Duy Anh (chủ biên) (2003), *Từ điển Hán - Việt,* Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, tr. 154. [↑](#footnote-ref-1)
2. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt,* Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, tr. 728. [↑](#footnote-ref-2)
3. Học viện Hành chính quốc gia (2007), *Hành chính nhà nước và công nghệ hành chính,* Nxb. Khoa học và Kĩ thuật, Hà Nội, tr. 217. [↑](#footnote-ref-3)
4. Đào Trí Úc (2010), *Cơ chế giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng và Nhà nước - Một số vấn đề lí luận và thực tiễn,* Nxb. Chính trị Quốc gia, tr. 65. [↑](#footnote-ref-4)
5. Đặng Đình Phú, Trần Duy Hưng (đồng chủ biên) (2008), *Công tác giám sát trong Đảng giai đoạn hiện nay,* Nxb. Lí luận chính trị, Hà Nội, tr. 15, 16. [↑](#footnote-ref-5)
6. Đào Trí Úc (2006), Báo cáo tổng hợp đề tài KX.10-07: *Xây dựng cơ chế pháp lí bảo đảm sự kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng, Nhà nước và các thiết chế tổ chức trong hệ thống chính tri*, Chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, tr. 31. [↑](#footnote-ref-6)
7. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-x/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-ix-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-x-cua-dang-1537>, truy cập 20/8/2022. [↑](#footnote-ref-7)
8. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xii/dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xii-cua-dang-cong-san-viet-nam-3>, truy cập 20/8/2022. [↑](#footnote-ref-8)
9. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/book/sach-chinh-tri/van-kien-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-tap-1-403>, truy cập 20/8/2022. [↑](#footnote-ref-9)
10. Ví dụ năm 2011, HĐND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Nghị quyết số 23/2011/NQ-HĐND. Tại điểm 9 khoản 3 Điều 1 quy định về *“tạm dừng giải quyết đăng kí thường trú mới vào khu vực nội thành đối với các trường hợp chỗ ở là nhà thuê, mượn, ở nhờ mà không có nghề nghiệp hoặc có nhiều tiền án, tiền sự”.* Nghị quyết này sau khi ban hành đã gặp nhiều ý kiến phản hồi từ các chuyên gia pháp lí và người dân về tính khả thi của văn bản,

    <https://dangcongsan.vn/phap-luat/ve-quyet-dinh-tam-dung-nhap-cu-cua-da-nang-can-tuan-thu-cac-quy-dinh-cua-phap-luat-124365.html>, truy cập 20/8/2022. [↑](#footnote-ref-10)
11. Theo quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2020 và Điều 7 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 thì tiêu chuẩn của đại biểu HĐND gồm: 1)Trung *thành với Tổ quốc, nhân dân và*[*Hiến pháp*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx?anchor=dieu_27)*, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; 2) có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác; 3) có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khoẻ, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội (nếu là đại biểu Quốc hội). Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân tín nhiệm”.* [↑](#footnote-ref-11)
12. Nguyễn Mạnh Bình (2012), *Hoàn thiện cơ chế pháp lí giám sát xã hội đối với việc thực thi quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 97. [↑](#footnote-ref-12)
13. C. Mác - Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 237. [↑](#footnote-ref-13)
14. Ngày 08/10/2018, tại kì thứ 10 (họp bất thường) HĐND Thành phố Hồ Chí Minh đã thông qua dự án đầu tư xây dựng nhà hát giao hưởng, nhạc và vũ kịch tại Khu đô thị Thủ Thiêm (Quận 2). Dự án có tổng mức đầu tư 1.508 tỉ đồng từ nguồn thu bán đấu giá khu đất 23 Lê Duẩn (Quận 1). Nhà hát có quy mô 1.700 chỗ, gồm hai khán phòng lớn và nhỏ, thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2022. [↑](#footnote-ref-14)
15. Điều 331 Bộ Luật Hình sự năm 2015 quy định tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân như sau: *“Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.* [↑](#footnote-ref-15)